Số: 9890/UBND-VX
Thời gian ký: 07/10/2021 09:30:29 +07:00

PHỤ LỤC
THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÁP MƯỜI

(Kèm theo Công văn số 9890/UBND-VX ngày 07tháng 10 năm 2021 của UBND huyện)

A. TÊN ĐÃ ĐẶT

STT	Tên	Địa điểm		Tiểu sử nhân vật, sự kiện, địa danh	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối		
I. Đường					
I. KHU VỰC THỊ TRẤN MỸ AN					
1.1 Khu hành chính dân cư huyện					
1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30/4	Cầu N2	**Trần Hưng Đạo** (1226–1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, tước hiệu Hưng Đạo đại vương, là một nhà chính trị, nhà quân sự, tôn thất hoàng gia Đại Việt thời Trần. Ông được biết đến trong lịch sử Việt Nam với việc chỉ huy quân đội đánh tan hai cuộc xâm lược của quân Nguyên – Mông năm 1285 và năm 1288. Ông là 1 trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Trước lúc qua đời, ông khuyên Trần Anh Tông: *"Phải khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc"*. Ngoài ra, ông còn để lại các tác phẩm kinh điển như *Hịch tướng sĩ*, *Binh thư yếu lược* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* đặt nền móng cho nghệ thuật quân sự Việt Nam kể từ thời Trần đến ngày nay.	
2	Đường Lê Lợi	Đường 30/4	Lê Quý Đôn	**Lê Lợi** tức vua Lê Thái Tổ (1385-1433), người Lam Sơn, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, dựng cờ khởi nghĩa năm 1418, chống quân Minh ròng rã 10 năm mới giành toàn thắng, giải phóng Đông	

				Quan (Thăng Long), lập lại nền tự chủ, lên ngôi vua, miếu hiệu là Lê Thái Tổ, sáng lập ra triều Lê năm 1428 và đưa chế độ phong kiến Việt Nam lên bước phát triển mới thịnh vượng. Ông cũng là nhân vật trả kiếm cho rùa thần trong truyền thuyết về Hồ Hoàn Kiếm. Ông là 1 trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.	
3	Đường Võ Thị Sáu	Ngô Quyền	Điện Biên Phủ	**Võ Thị Sáu** (1933-1952) quê huyện Đất Đỏ, Bà Rịa; đội viên đội Công an Xung phong Đất Đỏ, từng dùng lựu đạn diệt một tên quan ba Pháp ở chợ Đất Đỏ; bị bắt và bị xử bắn ở Côn Đảo; được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân.	Hết chiều dài
4	Đường Điện Biên Phủ	Đường Gò Tháp	Đường 30/4	**Trận Điện Biên Phủ** còn gọi là **Chiến dịch Trần Đình** là trận đánh lớn nhất trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất diễn ra tại lòng chảo Mường Thanh, châu Điện Biên, tỉnh Lai Châu (nay thuộc thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) giữa Quân đội Nhân dân Việt Nam và Quân đội Liên hiệp Pháp (gồm Lực lượng Viễn chinh Pháp, Binh đoàn Lê dương Pháp, phụ lực quân bản xứ và Quân đội Quốc gia Việt Nam). Đây là chiến thắng quân sự lớn nhất trong cuộc Chiến tranh Đông Dương (1945 – 1954) của Việt Nam. Với thắng lợi quyết định này, lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam do Đại tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã buộc quân Pháp tại Điện Biên Phủ phải đầu hàng vào tháng 5 năm 1954, sau suốt 2 tháng chịu trận. Giữa trận này, quân Pháp đã gia tăng lên đến 16.200 người nhưng vẫn không thể cầm cự	

				được trước các đợt tấn công như vũ bão của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Thực dân Pháp đã không thể bình định Việt Nam bất chấp sau nhiều năm chiến đấu và với sự hỗ trợ và can dự ngày càng sâu sắc của Hoa Kỳ. Pháp đã không còn bất kì khả năng nào để tiếp tục chiến đấu tại Việt Nam sau thảm bại này.	
5	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Gò Tháp	Đường 30/4	**Lý Thường Kiệt** (1019-1105), tên thật là Ngô Tuấn có công lớn được vua ban cho họ Lý, quê ở phường An Xá, sinh ở phường Thái Hòa. Từ một Hiệu úy kỵ mã, ông thành Thị vệ của vua Lý Thánh Tông, nổi tiếng tài giỏi, quán xuyến cung đình và võ nghệ tinh thông, giúp Hoàng thái hậu Ỷ Lan nhiếp chính khi vua Lý Nhân Tông còn nhỏ. Thấy giặc Tống có mưu đồ xâm lược, ông đề xuất chủ động đánh trước, tiêu diệt căn cứ xuất phát của địch ở ba châu: Ung, Khâm, Liêm (1075) rồi rút quân về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt chặn giặc, đánh tan quân Tống (1077). Tương truyền ông là tác giả của bài Nam quốc sơn hà, được coi như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta. Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch liệt ông vào một trong 14 vị Anh hùng dân tộc tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam.	
6	Đường Ngô Quyền	Đường Gò Tháp	Đường 30/4	**Ngô Quyền** (899-944), người làng Cam Lâm, huyện Tùng Thiện (nay thuộc ngoại thị Sơn Tây) vào Châu Ái theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Sáu năm sau, Dương Đình Nghệ bị sát hại, ông đem quân ra hỏi tội tên phản bội Kiều Công Tiễn. Y đã sang cầu cứu nhà Nam Hán. Cuối năm 938, Hoằng Thao đem quân	

				sang xâm lược nước ta bằng đường thủy. Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, dụ chiến thuyền của địch vào bẫy bị vỡ nát, ông đánh tan quân giặc, giữ vững nền tự chủ. Ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta. Ông là 1 trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.	
7	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Gò Tháp	Hết ranh nội ô thị trấn	**Tôn Đức Thắng** (1888-1980), nông dân cù lao "Ông Hổ", nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, An Giang. Ông lên Sài Gòn làm thợ xưởng Ba Son, lãnh đạo bãi công (1912). Vào lính thợ, sang Pháp, tham gia cuộc binh biến trên chiến hạm Pháp ở Biển Đen năm 1919, bị trục xuất về Sài Gòn, làm thợ Nhà Đèn. Năm 1926, gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội. Năm1930 bị bắt, đày đi Côn Đảo, thành lập Chi bộ trong tù để đấu tranh. Cách mạng tháng Tám thành công, ông về Nam Bộ kháng chiến, năm 1946 ra Bắc làm Phó Hội trưởng Liên Việt; năm 1960 là Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ năm 1969-1890 là Chủ tịch nước. Giải thưởng Hòa Bình quốc tế, Huân chương sao vàng, Huân chương Lênin.	Hướng đi xã Mỹ Đông
8	Đường Nguyễn Trãi	Đường Gò Tháp	Đường 30/4	**Nguyễn Trãi** (1380 – 19 tháng 9 năm 1442), hiệu là **Ức Trai**), là một nhà chính trị, nhà văn, người đã tham gia tích cực Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại sự xâm lược của nhà Minh (Trung Quốc) với Đại Việt. Khi cuộc khởi nghĩa thành công vào năm 1428, Nguyễn Trãi trở thành khai quốc công thần của triều đại quân chủ nhà	

				Hậu Lê trong Lịch sử Việt Nam. Ông được UNESCO vinh danh là **"Danh nhân văn hóa thế giới"** và là 1 trong 14 anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. Nguyễn Trãi có cha là Nguyễn Phi Khanh, con rể của quan Tư đồ Trần Nguyên Đán nhà Trần. Khi nhà Trần bị Hồ Quý Ly lật đổ lập nên nhà Hồ, Nguyễn Trãi tham gia dự thi, thi đỗ Thái học sinh năm 1400, Nguyễn Trãi làm quan dưới triều Hồ với chức Ngự sử đài chính chưởng. Khi nhà Minh xâm lược, cha ông là Nguyễn Phi Khanh bị bắt giải về Trung Quốc. Sau khi nước Đại Ngu rơi vào sự cai trị của nhà Minh, Nguyễn Trãi tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo chống lại sự thống trị của nhà Minh. Ông trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn, đề ra chiến lược cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh. Ông tiếp tục phục vụ dưới triều đại vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông với chức vụ Nhập nội hành khiển và Thừa chỉ. Năm 1442, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi bị kết án tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu ân xá cho ông. Nguyễn Trãi là một nhà văn hóa lớn, có đóng góp to lớn vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Ông được UNESCO vinh danh là "Danh nhân văn hóa thế giới" và là 1 trong 14 anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.	
9	Đường Trần Nhật Duật	Đường Gò Tháp	Hẻm công cộng	**Trần Nhật Duật** (1255 – 1330), được biết qua tước hiệu Chiêu Văn vương hay Chiêu Văn đại vương, là một nhà chính trị, quân sự Đại Việt thời Trần. Ông là	

				con trai thứ sáu của vua Trần Thái Tông và là một danh tướng của vương triều nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông là người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông lần thứ hai và thứ ba, đặc biệt là trận Hàm Tử. Trần Nhật Duật có trên năm mươi năm làm tướng và giữ những trọng trách của triều đình liên tiếp năm triều vua: Trần Thánh Tông; Trần Nhân Tông; Trần Anh Tông; Trần Minh Tông; Trần Hiến Tông, lập nhiều công lao to lớn. Bản thân ông là một tấm gương sáng về tài trị quốc và đánh giặc, một nền tảng quan trọng về nghệ thuật quân sự Việt Nam, có nhiều công trạng trong gây dựng, phát triển các sắc màu văn hóa Đại Việt về văn học, âm nhạc, ngôn ngữ. Nhiều thành tựu về âm nhạc, múa hát dân tộc đến hôm nay vẫn còn mang dấu ấn sáng tác của ông. Năm 1302, ông được phong Quốc công Thái úy. Năm 1324, được phong Tá thánh Thái sư. Ông mất năm 1330, thọ 76 tuổi,	
1.2 Khu vực Chợ cũ					
10	Đường Hoàng Hoa Thám	Lạc Long Quân	Bạch Đằng	**Hoàng Hoa Thám** (1836 – 10 tháng 2 năm 1913), còn gọi là Đề Dương, Đề Thám ("Đề đốc" Thám) hay Hùm thiêng Yên Thế, là một Anh hùng dân tộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế chống thực dân Pháp (1885 – 1913). Hoàng Hoa Thám tên khai sinh là Trương Văn Thám, thời trẻ có tên là Trương Văn Nghĩa, quê ở làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Sau lớn lên ở làng Ngọc Cục, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Ông sinh ra trong một gia đình yêu nước, bố là Trương Văn Thận, mẹ là Lương Thị Minh.	Hết chiều dài quy hoạch

				Năm 16 tuổi, Hoàng Hoa Thám tham gia khởi nghĩa của Đại Trân (1870-1875). Năm 1884 ông ra nhập nghĩa binh Trần Quang Loan. Năm 1895 ông tham gia khởi nghĩa của Cai Kinh ở Lạng Giang. Sau khi Cai Kinh mất ông đứng dưới cờ nghĩa của Lương Văn Nắm và trở thành một tướng lĩnh có tài. Năm 1892. Để Nắm hy sinh ông trở thành lãnh tụ tối cao của phong trào Yên Thế - Phong trào nông dân chống Pháp với biệt danh "Hùm xám Yên Thế". Năm 1909 thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công quy mô lên Yên Thế. Dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám nghĩa quân anh dũng chống trả gây nhiều thiệt hại cho quân Pháp. Ngày 10/2/1913, Hoàng Hoa Thám hy sinh tại khu vực Hố Nấy cách chợ Gồ gần 2 km.	
11	Đường Bạch Đằng	Đầu chợ cũ	Hết ranh nội ô thị trấn	**Bạch Đằng** là tên một nhánh thuộc hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình đổ ra cửa Nam Triệu, nơi diễn ra ba lần đánh thắng quân xâm lược phương Bắc trong lịch sử nước ta: năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, năm 981, Lê Hoàn thắng quân Tống, năm 1288, Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên.	Hướng đi xã Mỹ An
12	Đường Hai Bà Trưng	Lạc Long Quân	Lê Quý Đôn	**Hai Bà Trưng** tức là Trưng Trắc và Trưng Nhị (14-43), nữ anh hùng dân tộc. Hai Bà dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn mùa xuân năm 40, đánh thủ phủ Luy Lâu của quân Hán thống trị, rồi thu lại 65 thành. Bà Trưng Trắc lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh (nay là xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội). Năm 42, Mã Viện mang quân sang đàn áp, Hai Bà chống lại không nổi, đã anh dũng tuẫn tiết ở Cấm Khê.	Hết chiều dài quy hoạch

13	Đường Âu Cơ	Lê Quý Đôn	Lạc Long Quân	**Âu Cơ** (giống Tiên) lấy Lạc Long Quân (giống Rồng - là người khai sáng lịch sử dân tộc ta). Vua cha Kinh Dương Vương cho Lạc Long Quân cai quản đất Lạc. Bà Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng nở thành trăm con trai. 50 con theo cha về miền biển, 50 con theo mẹ lên núi. Mẹ Âu Cơ đưa con về Phong Châu, dạy con làm nương rẫy, trồng lúa ven núi, trồng dâu bên sông, đào giếng, dệt vải, ép mật, thổi cơm, làm bánh. Con cả được tôn là Hùng Vương: Ông tổ của dân tộc Lạc Việt.	Hết chiều dài quy hoạch
14	Đường Lạc Long Quân	Đầu voi chợ cũ	Hết ranh nội ô thị trấn	**Lạc Long Quân** là thủy tổ của nước ta trong truyền thuyết. Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, sinh ra một bọc trăm trứng, nở ra một trăm con trai, chia một nửa theo mẹ lên rừng, một nửa theo cha xuống biển khai phá lập nghiệp, con trưởng ở lại Phong Châu làm vua Hùng, đặt tên nước là Văn Lang.	Hướng đi xã Mỹ An
1.3 Khu vực Chợ mới					
15	Đường Phan Đăng Lưu	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Thị Minh Khai	**Phan Đăng Lưu** (5 tháng 5 năm 1902 – 26 tháng 8 năm 1941) là một nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1937), Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng (1938). Ông sinh ngày 05/5/1902 tại xã Tràng Thành (nay là Hoa Thành), huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Ông sinh ra trong một gia đình tri thức nhà nho yêu nước tại một vùng đất giàu truyền thống quật cường cách mạng. Cuối năm 1925 ông được kết nạp vào tổ chức cách mạng Hội Phục Việt ở Vinh. Sau đó về quê ông xây dựng ngay cơ sở cách mạng, xây dựng chi bộ của Việt Nam cách mạng Đảng (sau đó	Hết chiều dài quy hoạch

				là Tân Việt Cách mệnh Đảng). Đầu năm 1930, Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời. Cũng thời gian đó ông bị giặc Pháp bắt và bị đày lên Buôn Ma Thuột. Tại đây, ông gia nhập Đảng Cộng Sản Việt Nam. Năm 1936, ông được trả tự do và tiếp tục hoạt động cách mạng. Ông được Trung Ương Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ định vào Ban Chấp hành lâm thời Xứ uỷ Trung Kỳ và năm 1938 ông được bầu vào Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương. Tháng 7/1940 Xứ ủy Nam Kỳ hội nghị mở rộng để chuẩn bị khởi nghĩa, ông thay mặt Trung ương dự hội nghị. Sau hội nghị ông được cử ra Bắc để báo cáo và xin chỉ thị của Trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1940 nhận định chưa đủ điều kiện để khởi nghĩa ở Nam Kỳ, nên cử ông vào Nam để hoãn cuộc khởi nghĩa. Khi đến Sài Gòn thì ông bị bắt ngày 22/11/1940. Ngày 3 tháng 3 năm 1941 đế quốc Pháp mở toà án binh xử một số đồng chí trong đó có ông, ông bị thực dẫn Pháp kết án tử hình. Ông bị bắn ngày 28/8/1941 tại Hóc Môn - Gia Định.	
16	Đường Ngô Gia Tự	Trần Phú	Hùng Vương	**Ngô Gia Tự** (3 tháng 12 năm 1908 – 1935) là một đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh tại làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Năm 1927, ông tham gia lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu, Trung Quốc, được Kỳ bộ Bắc kỳ Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội chỉ định vào Tỉnh bộ Bắc Ninh để gây dựng cơ sở ở địa phương. Năm 1928,	

				Ngô Gia Tự được đưa về hoạt động tại Kỳ bộ Bắc kỳ. Ngày 1 tháng 5 năm 1929, Đại hội toàn quốc của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội họp ở Hương Cảng. Đoàn đại biểu miền Bắc mà vai trò kiên quyết Ngô Gia Tự đưa ra đề nghị giải tán Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, thành lập đảng cộng sản. Tháng 3 năm 1929, ông giúp thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, ông được bầu làm Bí thư Xứ ủy lâm thời của Đảng bộ Nam Kỳ. Dưới sự lãnh đạo của Bí thư Xứ ủy Ngô Gia Tự, Đảng bộ đã chọn nhà máy Ba Son, đồn điền Phú Riềng, xã Vĩnh Kim (Mỹ Tho) làm cơ sở phát triển cách mạng. Đến cuối năm 1930, ông bị thực dân Pháp bắt tại Sài Gòn. Sau hơn 2 năm bị giam giữ, ngày 2 tháng 5 năm 1933, thực dân Pháp đưa Ngô Gia Tự, cùng Phạm Hùng, Lê Văn Lương và nhiều đảng viên khác ra phiên tòa "đại hình đặc biệt", và đày ra Côn Đảo vào tháng 5 năm 1933. Ông bị mất tích trong một chuyến vượt ngục đầu năm 1935 cùng với các bạn tù khác.	
17	Đường Hà Huy Tập	Trần Phú	Hùng Vương	Hà Huy Tập (1906-1941), là một nhà cách mạng Việt Nam. Ông được ghi nhận là Tổng bí thư thứ 3 của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh ngày 24 tháng 4 năm 1906 ở làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyên tên lúc nhỏ của ông là Hà Huy Khiêm, còn gọi là Ba. Tháng 7 năm 1928, ông ra Bắc, được giao nhiệm vụ liên lạc với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ngõ hầu tìm cách thống nhất tất cả các tổ chức	

				chống thực dân Pháp vào một tổ chức hành động chung. Tháng 12 năm 1928, ông được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) để tham gia một khóa huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.. Ngày 19 tháng 7 năm 1929, ông sang Liên Xô, học trường Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông của Quốc tế Cộng sản ở Moskva với bí danh là Xi-nhi-trơ-kin. Cuối năm 1929, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản toàn liên bang (Bôn-sê-vích). Trong thời gian này ông đã soạn thảo "Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương" và "Sơ thảo lịch sử phong trào Cộng sản ở Đông Dương". Tháng 4 năm 1933, ông tốt nghiệp khóa học và trở về Việt Nam. Trên đường về ông bị Pháp bắt và bị trục xuất sang Bỉ, sau đó trở về Trung Quốc, được Quốc tế Cộng sản chỉ định tham gia Ban Chỉ huy Hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương, do Lê Hồng Phong là Bí thư. Tháng 3 năm 1935, tại Đại hội lần thứ I của Đảng ở Ma Cao, Lê Hồng Phong được bầu làm Tổng Bí thư, Hà Huy Tập được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được cử vào cương vị Bí thư Ban Chỉ huy hải ngoại. Đến tháng 7 năm 1936, Ban Chỉ huy Hải ngoại của Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương cử ông về nước để lập lại Trung ương cấp ủy và và giữ chức Tổng Bí thư từ ngày 26 tháng 7. Ông trực tiếp chỉ đạo các báo L'Avant garde (Tiền phong) (1937), Dân chúng (1938) của Đảng dưới danh nghĩa "cơ quan lao động và dân chúng" ở Nam Kỳ.	

				Từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 9 năm 1937, Hội nghị Trung ương họp ở Bà Điểm, Gia Định, ông báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của đảng từ sau Đại hội I đến năm 1937. Ngày 30 tháng 3 năm 1938, ông cùng người tiền nhiệm Lê Hồng Phong chủ trì Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Bà Điểm. Tại hội nghị này, ông thôi giữ chức Tổng bí thư, nhưng vẫn tham gia Thường vụ Trung ương Đảng. Ngày 25 tháng 10 năm đó, ông bị thực dân Pháp xử tuyên án 5 năm tù giam. Ngày 25 tháng 3 năm 1941, chính quyền Pháp đổi bản án của ông thành án tử hình vì "chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ". Trước tòa ông tuyên bố: "Tôi chẳng có gì phải hối tiếc. Nếu còn sống tôi sẽ tiếp tục hoạt động". Ngày 28 tháng 8 năm 1941, ông bị chính quyền Pháp xử bắn cùng với một số nhà cách mạng khác tại Sở Rác (nay là bệnh viện Hóc Môn, Sài Gòn).	
1.4 Cụm dân cư Khóm 4					
18	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thị Minh Khai	Hết nội ô thị trấn	**Lê Thị Hồng Gấm** (1951 -1970) là một nhà cách mạng của Việt Nam, người đã tham gia vào công cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Cô sinh ra trong một gia đình nông dân lao động ở xã Long Hưng, thuộc địa phận huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Tháng 12 năm 1967, Lê Thị Hồng Gấm đã tham gia cách mạng và được phân công làm công tác giao liên xã. Cuối năm 1968 tổ còn lại duy nhất một mình cô. Đến tháng 12 năm 1968, cô trở thành xã đội phó, cùng lãnh đạo xã thuyết phục nhân dân bám đất, bám	Đổi đường Phạm Hùng

				ruộng vườn sản xuất, ủng hộ cách mạng. Tháng 8 năm 1969, Lê Thị Hồng Gấm được cử làm trung đội phó du kích vành đai liên xã. Ngày 18 tháng 4 năm 1970, để chuẩn bị cho trận đánh đêm, cô cùng hai nữ du kích khác đi mua lương thực cho đồng đội. Khi ra giữa cánh đồng, các cô bị hai chiếc máy bay trực thăng của quân địch phát hiện. Trước tình hình đó, Lê Thị Hồng Gấm đã chỉ đường trốn thoát cho đồng đội, còn bản thân thì lợi dụng địa hình chiến đấu, đồng thời thu hút sự chú ý của quân địch về phía mình. Lúc này, 2 chiếc trực thăng lượn vòng uy hiếp, cô bắn trả, một chiếc bị rơi tại chỗ, chiếc thứ hai đổ quân bao vây, cô nổ súng diệt tiếp ba tên địch. Tuy nhiên, do số lượng quân địch quá đông, mà hỏa lực lại tập trung bắn về phía cô, khiến cô bị thương quá nặng, đạn đã hết nên dùng chút sức lực đập gãy khẩu súng để vũ khí không rơi vào tay địch và dũng cảm hy sinh. Ngày 20 tháng 9 năm 1971, Lê Thị Hồng Gấm được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng ba, cùng với danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.	
19	Đường Cao Văn Đạt	Nguyễn Thị Minh Khai	Phạm Ngọc Thạch	Ông Cao Văn Đạt (bí danh Tư Hồng), sinh năm 1930, tại xã Mỹ Ngãi, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tham gia cách mạng năm 1948 và đến năm 1960 thoát ly gia đình vào Tổ sản xuất Vũ khí xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An (nay là huyện Tháp Mười). Từ năm 1972 - 1984, ông lần lượt giữ các chức vụ Bí thư Đảng ủy kiêm Trưởng Công an xã; Bí thư Đảng	

				ủy xã. Ông nghỉ hưu năm 1984 và hiện ngụ tại xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông Cao Văn Đạt được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Nhất; Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, nhiều bằng khen và danh hiệu cao quý khác. Ngày 20/12/1994, ông được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	
1.5 Khu dân cư Bảng Đỏ					
20	Đường Hoàng Văn Thụ	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	**Hoàng Văn Thụ** (04/11/1909 - 04/11/2019) Hoàng Văn Thụ là người dân tộc Tày, sinh ngày 4 tháng 11 năm 1909 tại xóm Phạc Lạng, xã Nhân Lý, châu Điềm He, huyện Văn Uyên (nay thuộc xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng) tỉnh Lạng Sơn. Tháng 1 năm 1944, ông bị kết án tử hình. Việc Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ Hoàng Văn Thụ bị xử bắn đã tác động rất lớn đến phong trào đấu tranh Cách mạng lúc bấy giờ. Sáng ngày 25 tháng 4 năm 1944, thực dân Pháp mang ông ra xử bắn. Hoàng Văn Thụ bị tử hình lúc 6 giờ sáng. Năm đó ông 35 tuổi. Tuy thời gian hoạt động cách mạng của ông không dài nhưng có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và phát triển cơ sở của Trung ương Đảng trước Cách mạng tháng 8 trong thời gian bị chính quyền thực dân khủng bố ác liệt nhất. Chính vì vậy, trên bảng ghi công Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 có tên Hoàng Văn Thụ.	

				Hoàng Văn Thụ được chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa truy tặng danh hiệu anh hùng liệt sĩ. Tại Tương Mai, chính quyền đã xây dựng một mộ gió và một tượng đài để vinh danh ông.	
1.6 Khu dân cư Khóm 2					
21	Đường Lý Thái Tổ	Nguyễn Thị Minh Khai	Công an huyện	**Lý Thái Tổ** (974-1028), tức Lý Công Uẩn, quê trang Cổ Pháp (nay là phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh); con nuôi nhà sư Lý Khánh Văn, học trò sư Vạn Hạnh. Ông làm Điện tiền Chỉ huy sứ đời vua Lê Ngọa Triều. Năm 1009, vua mất, triều đình tôn ông lên làm vua, miếu hiệu là Thái Tổ, mở đầu triều Lý, kéo dài 09 đời vua gồm 216 năm. Năm 1010 dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, gặp điềm rồng vàng đón, nên đổi tên là thành Thăng Long. Ông là người có công định đô, xây dựng, mở mang kinh thành, đặt nền móng cho Thăng Long, Thủ đô ngàn đời của đất nước.	
22	Đường Lê Đại Hành	Hùng Vương	Lê Hồng Phong	**Lê Đại Hành** tức là Lê Hoàn (941-1005): sinh tại làng Trung Lập, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, một tướng giỏi được triều Đinh phong chức Thập đạo tướng quân. Năm 979, vua Đinh Tiên Hoàng mất, ông phò vua Đinh Toàn mới 06 tuổi, trông coi việc nước. Quân Tống sang xâm lược, Thái hậu họ Dương (tức mẹ Đinh Toàn) trao long cổn cho Lê Hoàn. Sau khi lên ngôi, Lê Hoàn tự mình làm tướng đánh tan quân Tống, chém tướng Hầu Nhân Bảo, bắt sống tướng Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư, khiến cho Đại Cồ Việt thanh bình, bảo toàn được nền độc lập của đất nước.	

23	Đường Đinh Tiên Hoàng	Hùng Vương	Nguyễn Thị Minh Khai	**Đinh Tiên Hoàng** (22 tháng 3 năm 924 - tháng 10 năm 979), tên húy là Đinh Bộ Lĩnh là vị hoàng đế sáng lập triều đại nhà Đinh, nước Đại Cồ Việt trong lịch sử Việt Nam. Ông là người có công đánh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn và trở thành hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc. Đại Cồ Việt là nhà nước mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ, xây dựng chế độ quân chủ tập quyền ở Việt Nam. Đinh Bộ Lĩnh mở nước, lập đô, lấy niên hiệu với tư cách người đứng đầu một vương triều bề thế: Thời kỳ phục quốc của Việt Nam, từ họ Khúc chỉ xưng làm Tiết độ sứ, tới Ngô Quyền xưng vương và tới vua Đinh xưng làm hoàng đế. Sau một số vị vua xưng Đế từ trước và giữa thời Bắc thuộc rồi bị thất bại trước hoạ ngoại xâm, đến thời nhà Đinh, người cầm quyền Việt Nam mới thực sự vươn tới đỉnh cao ngôi vị và danh hiệu, khẳng định vị thế vững chắc của quốc gia độc lập, thống nhất qua các triều đại Đinh – Lê – Lý – Trần và buộc các điển lễ, sách phong của cường quyền phương Bắc phải công nhận là một nước độc lập. Từ Đinh Bộ Lĩnh trở về sau, các Vua không xưng Vương hay Tiết độ sứ nữa mà đều xưng Hoàng đế như một dòng chính thống. Đinh Tiên Hoàng là vị hoàng đế đặt nền móng sáng lập nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên ở Việt Nam, vì thế mà ông còn được gọi là người mở nền chính thống cho các triều đại phong kiến trong lịch sử.	
1.7 Khu Huyện ủy cũ					
24	Đường Tôn Thất Tùng	Tôn Đức	Hết ranh	Tôn Thất Tùng (1912 – 1982) là một bác sĩ phẫu	Hướng đi

		Thắng	nội ô thị trấn	thuật người Việt Nam, nổi danh trong lĩnh vực nghiên cứu về gan. Ông được biết đến là tác giả của "phương pháp cắt gan khô" hay còn được gọi là "phương pháp Tôn Thất Tùng". Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Liên Xô, Hội viên Hội quốc gia những nhà phẫu thuật Cộng hòa Dân chủ Đức, Viện sĩ Viện Hàn lâm Phẫu thuật Paris, Hội viên Hội các nhà phẫu thuật Lyon (Pháp), Thành viên Hội Quốc gia các nhà phẫu thuật Algieria. Ông còn là một giáo sư, đào tạo ra nhiều thế hệ bác sĩ tài năng tại Trường Đại học Y Hà Nội. Ông từng giữ cương vị Thứ trưởng Bộ Y tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nguyên Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn (Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức bây giờ), nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Ngoại khoa – Trường Đại học Y Dược Hà Nội.	xã Mỹ Hòa
1.8 Khu tái định cư Đường Hồ Chí Minh					
25	Đường Nguyễn Bình			**Nguyễn Bình** (tên thật là **Nguyễn Phương Thảo**, 1908 - 1951) là Trung tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, lãnh đạo quân dân miền Nam Việt Nam kháng chiến chống Pháp. Ông tên thật là **Nguyễn Phương Thảo**, quê ở thôn Yên Phú, xã Tinh Tiến (nay là xã Giai Phạm), huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Ngày 20 tháng 1 năm 1948, ông được Chính phủ phong quân hàm Trung tướng và cử làm tổng chỉ huy chiến trường Nam Bộ. Cùng đợt có Võ Nguyên Giáp được phong Đại tướng; Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại	

				Nghĩa, Trần Tử Bình được phong Thiếu tướng. Lễ thụ phong Trung tướng được tổ chức tháng 7 năm 1948 tại làng Nhơn Hòa Lập trên con kênh Dương Văn Dương, Đồng Tháp. Tháng 6 năm 1948, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi điện vào công nhận Ban Quân sự Nam Bộ và cử Trung tướng Nguyễn Bình giữ chức Ủy viên quân sự. Tháng 10 năm 1948, Bộ tư lệnh Nam Bộ được thành lập thay cho Ban Quân sự Nam Bộ, ông được bầu làm tư lệnh. Ngày 29 tháng 9 năm 1951, theo yêu cầu của Trung ương, ông lên đường ra Bắc nhận nhiệm vụ mới. trên đường đi, ông bị quân Pháp phục kích và hi sinh tại xã Srê Dốc, huyện Sê San, tỉnh Xtung Treng, trên đất Campuchia. Tháng 2 năm 1952, Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh 84/SL truy tặng ông Huân chương Quân công hạng nhất. Ông cũng là người đầu tiên trong quân đội được nhận Huân chương cao quý này. Ngày 29 tháng 2 năm 2000, Bộ Tư lệnh quân khu 7 đã di chuyển hài cốt của ông về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh. Tang lễ được cử hành theo nghi thức long trọng. Ông còn được nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	
26	Đường Lê Văn Kiếc			**Lê Văn Kiếc** (1923 – 1972) bí danh Lê Trung Nghĩa, Ba Nghĩa, quê ở làng Hòa Khánh, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Lúc nhỏ theo gia đình đến làm ăn và cư ngụ tại xã Hưng Thạnh, huyện Mỹ An (nay là huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1950, Lê Văn Kiếc tham gia du kích xã. Tháng	

				10/1958, được kết nạp vào Đảng. Tháng 4/1959 được rút lên Bộ đội địa phương huyện Mỹ An. Ngày 04/01/1960, ông chỉ huy Trung đội Địa phương quân huyện phối hợp Tổ Đặc công và Phân đội 272 của tỉnh đánh ngôi tháp 10 tầng của Ngô Đình Diệm xây dựng tại gò Tháp Mười làm "viễn vọng đài quan sát", đánh phá Đồng Tháp Mười. Tháng 02/1965, ông Ba Nghĩa được bổ nhiệm làm Huyện đội trưởng Cao Lãnh; Tháng 7/1967 là Chính trị viên Huyện đội Mỹ An. Tháng 01/1971, Lê Văn Kiếc được bổ nhiệm làm Tỉnh đội phó Tỉnh đội Kiến Phong. Đêm 30/9/1972, trong lúc chỉ huy đơn vị đánh đồn Quán Tre, ông Kiếc hy sinh anh dũng. Ông Lê Văn Kiếc chỉ huy và trực tiếp chiến đấu 120 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 480 tên địch, thu nhiều súng, bắn cháy 2 xe (có 1 xe M113), 1 tàu; đào 288 công sự, gài 1.200 lựu đạn, cắm 16.000 chông v.v.. Bất cứ cương vị nào ông cũng đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Được tặng thưởng: Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì, Ba; Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; nhiều Bằng khen, Giấy khen. Ngày 23/5/2005, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng ông Lê Văn Kiếc (Lê Trung Nghĩa) danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.	
27	Đường Trần Văn Trà			**Trần Văn Trà** (1919-1996), tên thật là Nguyễn Chấn; là Thượng tướng trong Quân đội Nhân dân	

				Việt Nam. Trần Văn Trà quê xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, sau vào cư ngụ tại Sài Gòn. Ông còn có bí danh là Tư Chi, Tư Nguyễn, Ba Trà. Xuất thân trong một gia đình làm nghề nông, thời trẻ học tiểu học tại Quảng Ngãi, năm 1936, ông tham gia Đoàn Thanh niên Dân chủ Huế khi còn đang học tại trường Kỹ nghệ thực hành Huế; năm 1938, gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau Cách mạng tháng Tám, ông giữ chức Ủy viên Kỳ bộ Việt Minh Nam Bộ. Khi chiến tranh Đông Dương nổ ra tại Nam Bộ, ông tham gia công tác quân sự, giữ chức Chi đội trưởng Chi đội (tương đương trung đoàn) 14, Khu trưởng Khu 8, xứ ủy viên Nam Bộ (1946-1948); Tư lệnh kiêm Chính ủy Khu Sài Gòn - Chợ Lớn; Tư lệnh Khu 7 (1949-1950); Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh Phân khu Miền Đông Nam Bộ (1951-1954). Năm 1955, ông tập kết ra Bắc, giữ chức Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam (1955-1962), Phó Chủ nhiệm Tổng cục Quân huấn (1958), Giám đốc Học viện quân chính và Chánh án Tòa án quân sự Trung ương (1961). Từ năm 1963, ông được cử vào Nam làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam (1963-1967 và 1973-1975), Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam (1968-1972), Phó Bí thư Quân ủy Quân giải phóng Miền Nam. Sau Hiệp định Paris 1973, ông làm Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng	

				hòa Miền Nam Việt Nam tại Ban Liên hiệp đình chiến bốn bên ở Sài Gòn. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, ông giữ chức Chủ tịch Ủy ban Quân quản Sài Gòn - Gia Định, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7. Từ năm 1978 đến năm 1982, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Từ năm 1992 ông là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Ông là ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (dự khuyết khóa 3, chính thức khóa 4). Ông được phong quân hàm Trung tướng năm 1959 , Thượng tướng năm 1974. Được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng nhất, hạng Ba, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất.	
28	Đường Nguyễn Văn Vóc			**Nguyễn Văn Vóc** (1942 – 1968), tên thường dùng là Lê Hồng; quê ở ấp An Lợi, xã Thanh Mỹ, huyện Mỹ An, tỉnh Kiến Phong (nay thuộc huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo ở vùng căn cứ địa cách mạng, cha mẹ anh em đều tích cực tham gia kháng chiến, nuôi chứa cán bộ, nên ông Vóc sớm giác ngộ và đi theo Cách mạng. Sau cuộc Đồng khởi năm 1959, 1960, quê hương Thanh Mỹ được giải phóng. Ông Vóc đi đầu quân và được tiếp nhận vào công tác ở đơn vị Giao bưu tỉnh Kiến Phong, được phân công làm công tác bảo vệ. Năm 1964, được bổ nhiệm làm Tiểu đội phó, Trung đội giao liên B412, chuyên đưa rước “khách đặc biệt”	

				và bất thường. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng của đơn vị. Trong chuyến công tác từ ngày 13 đến ngày 16/5/1968, Đội Giao liên B412 được giao nhiệm vụ bảo vệ và đưa đoàn khách gồm 5 cán bộ, trong đó có 4 cán bộ là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy: Bến Tre, Gò Công, Mỹ Tho, Kiến Phong và ông Tám Dần là Chỉ huy phó kiêm Tham mưu trưởng Quân khu 8 từ chiến trường về Trung ương Cục. Ngày 16/5/2021 đoàn bị máy bay địch tấn công, sau nhiều đợt đánh trả quân địch, ông Vóc tình nguyện ở lại chặn địch, còn tất cả tập trung bí mật dẫn đoàn khách rút lui khỏi trận địa. Sau đợt tấn công lần thứ 8 của địch, trên trận địa, chỉ còn một mình ông Nguyễn Văn Vóc phải chống trả với một tiểu đoàn địch, ông đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và anh dũng hy sinh. Năm 1997, liệt sĩ Nguyễn Văn Vóc được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	
29	Đường 307			**Tiểu đoàn 307** là tiểu đoàn chủ lực cơ động đầu tiên tại Nam bộ của Quân đội nhân dân Việt Nam trong Chiến tranh Đông Dương. Tiểu đoàn được nhiều người biết đến một phần cũng do một bài hát cùng tên của nhạc sĩ Nguyễn Hữu Trí viết về tiểu đoàn này. Trên thực tế, vẫn còn một tiểu đoàn 307 khác cũng từng tham chiến tại miền Nam Việt Nam. Cả hai tiểu đoàn này về sau đều được tuyên phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đoàn được thành lập ngày 1 tháng 5 năm 1948 tại vùng căn cứ Đồng Tháp Mười gồm lực lượng của Khu 8 và một bộ phận quan trọng của Trung đoàn 99 Bến Tre hợp thành, với tên "Tiểu đoàn liên quân	

				lưu động". Tiểu đoàn làm lễ xuất quân ngày 5 tháng 7 tại căn cứ Giồng Luông, xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Sau đó, vì thấy tên gọi "Tiểu đoàn Liên quân lưu động" dài, dễ lộ bí mật, trên cho đơn vị đổi tên thành Tiểu đoàn 307.	
30	Đường Trần Trọng Khiêm			**Trần Trọng Khiêm** (1821-1866), người làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ (nay là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ), Lúc nhỏ nổi tiếng thông minh, hay chữ nhưng ông không chọn con đường khoa cử, năm hai mươi tuổi ông lấy vợ và theo nghề buôn gỗ. Năm 1843, ông giết tên cai tổng để trả thù vì đã thủ tiêu vợ ông, rồi trốn xuống Hưng Yên làm ăn. Tại đây, ông làm thủy thủy cho một tàu buôn nước ngoài nên có dịp đi Hương Cảng, Hà Lan, Anh quốc… Năm 1850, ông đến Hoa Kỳ gia nhập đoàn người đi tìm vàng ở miền Viễn Tây Hoa Kỳ. Sau đó ông trở về California làm nhân viên cho tòa soạn báo Daily Everning. Năm 1854, ông quay về Hương Cảng, nhập tịch Trung Quốc. Năm sau, ông về nước và cư trú ở miền Nam. Vào thuở ấy, miền Nam nhất là đồng bằng Sông Cửu Long, dù đã được khai phá nhưng nhiều nơi vẫn còn hoang vu, ông cùng vài người bạn đứng ra khai hoang, góp phần lập nên làng Hòa An thuộc tổng An Tịnh, phủ Tân Thành, tỉnh An Giang, giáp ranh với với làng Mỹ Trà (thuộc huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường). Năm 1863, ông cùng Thiên Hộ Dương xây dựng căn cứ ở Gò Tháp nằm trong Đồng Tháp Mười. Ông là người vẽ các công sự chiến đấu mô phỏng theo các đồn canh của một đại úy tên Sutter, xây dựng ở Califonia gọi là đồn Sutter. Ông được Thiên Hộ Dương giao	

				chỉ huy một đội nghĩa quân, đánh thắng Pháp nhiều trận ở Mỹ Trà, Cao Lãnh, Cai Lậy… Tháng 4 năm 1866, Pháp mang đại quân tán công đại đồn Tháp Mười, ông chiến đấu quyết liệt và tử trận lúc 45 tuổi. Thi hài ông được nghĩa quân chôn cất tại Gò Tháp.	
31	Đường Nguyễn Văn Biểu			Ông Nguyễn Văn Biểu (**1830 – 1914)** người thôn Tân Phú, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay là xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), là con thứ 8 trong một gia đình nông dân nghèo. Lúc nhỏ theo học chữ nho và võ nghệ. Vào tuổi thanh niên, ông nổi tiếng là người cao lớn, khỏe mạnh hơn người; da đen, môi chì, tướng tá bậm trợn, cổ to bằng ba gang tay và ăn gấp mấy lần người bình thường. Tháng 02/1959, thực dân Pháp tấn công chiếm được thành Gia Định, sau đó chiếm Đinh Tường. Anh hùng hào kiệt nổi lên chống Pháp khắp nơi. Khi được tin Thiên Hộ Võ Duy Dương kéo quân về Đồng Tháp Mười, chọn Gò Tháp làm Tổng hành dinh, xây dựng đồn lũy chống giặc, ông liền từ giã vợ con lên đường vô Gò Tháp để ra mắt Thiên Hộ Dương và được tin cẩn giao cho nhiệm vụ tổ chức chỉ huy đội phòng vệ căn cứ. Từ đó mọi người gọi ông là Phòng Biểu hoặc Phòng Tám (vì ông thứ 8 trong gia đình). Trong suốt thời gian theo nghĩa quân, ông luôn có mặt bên chủ tướng; lúc nào cũng tỏ ra dũng cảm, dốc hết lòng cho đại cuộc, không ngại gian khổ hy sinh. Vũ khí ông sử dụng lúc cận chiến là cây thiếc bảng. Ông còn nhận trọng trách điều tra trừng trị bọn việt	

				gian. Khả năng ăn nhiều chịu đói hai ba ngày của ông giúp ông rất nhiều trong công việc điều tra dài ngày mà không cần phải vào quán xá hoặc nhà dân để ăn uống. Tháng 4 năm 1866, thực dân Pháp tập trung đại quân tấn công triệt hạ căn cứ Tháp Mười. Phó tướng Đốc Binh Kiều và ông ở lại đại bản doanh cố thủ nghi binh trong lúc đai quân do Thiên Hộ Dương rút lui an toàn để bảo tồn lực lượng chiến đấu sau này. Ác chiến diễn ra ở Gò Tháp, Đốc Binh Kiều bị thương và qua đời tại đây. Sau khi chôn cất Đốc Binh Kiều, Phòng Biểu rút quân về Sình Lớn, cố thủ ở ngã ba Thông Bình (Tân Thành). Mặc dù quân ít, vũ khí thô sơ, quân Pháp lại càn quét liên miên nhưng nghĩa quân vẫn kiên trì chiến đấu kéo dài suốt bốn năm nữa. Trong thời gian này, ông đã trừng trị Phạm Văn Khanh, kẻ phản bội đã dẫn đường cho giặc Pháp vào triệt hạ căn cứ Tháp Mười. Trước sự trùy lùng của giặc, lưc lượng nghĩa quân ngày một sa sút. Thấy không thể chiến đấu được nữa, ông ra lệnh giải tán nghĩa quân. Ông mất năm 1914, thọ 84 tuổi.	
32	Đường Phạm Văn Bạch			**Phạm Văn Bạch** sinh ngày 18-6-1910 tại Khánh Lộc, tỉnh Trà Vinh. Cha ông là cụ Phạm Văn Phó (Tự là Trương Văn Phó, vị trí là trắc địa sứ), cụ bà Phó là con của Đốc Phủ Sứ tỉnh trưởng Gia Định. Sau khi tốt nghiệp trung học, năm 18 tuổi, Phạm Văn Bạch được gia đình cho đi du học tại khoa Luật Trường Đại học Lyon-Pháp. Năm 22 tuổi, Phạm Văn Bạch đỗ Cử nhân Luật và Cử nhân Triết học. Năm	

				1936, ông đỗ Tiến sĩ Luật tại trường Đại học Lyon với luận án "*Hiến pháp Xô Viết và thực tiễn Xô Viết - giải pháp đúng đắn cho vấn đề dân tộc và giai cấp*". Năm 1936, sau khi đỗ Tiến sĩ Luật học tại Trường Đại học Lyon, ông về Việt Nam, hành nghề luật sư và dạy học ở Thành phố Cần Thơ. Ông liên lạc với các tổ chức kháng chiến đóng trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ và bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Tháng 8 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương giao cho các nhân sĩ, trí thức yêu nước giữ nhiệm vụ quan trọng trong các ủy ban kháng chiến hành chính, luật sư Phạm Văn Bạch được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ thay ông Trần Văn Giàu, chức vụ cao nhất trong bộ máy chính quyền cách mạng lúc đó. Phó Chủ tịch Ủy ban là Luật sư Phạm Ngọc Thuần. Tháng 9 năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ bùng nổ, ông rời Sài Gòn ra bưng biền tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến. Năm 1954, luật sư Phạm Văn Bạch được lệnh tập kết ra miền Bắc nhận nhiệm vụ mới theo tinh thần Hiệp định Genève. Tháng 9 năm 1954, ông được cử giữ chức vụ Phó ban Miền Nam của Trung ương Đảng; từ tháng 1 năm 1955 đến tháng 6 năm 1957 là Thứ trưởng Bộ Nội vụ, kiêm Phó ban Quan hệ Bắc Nam của Chính phủ. Từ tháng 6 năm 1957 đến tháng 9 năm 1959, ông là Thứ trưởng Phủ Thủ tướng, kiêm Ủy viên Ủy ban kiện toàn tổ chức Trung ương của Chính phủ.	

				Từ tháng 5 năm 1959 ông kế nhiệm ông Trần Công Tường giữ chức Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao đến tháng 5 năm 1981. Thời gian này, với vốn tri thức về công pháp quốc tế, ông được giao phụ trách cơ quan tố cáo tội ác chiến tranh của Đế quốc Mỹ đã can thiệp vào cuộc chiến Việt Nam. Ông lập Tòa án quốc tế lên án quân đội Mỹ tàn sát nhân dân Việt Nam. Đặc biệt nhờ uy tín của mình, ông Phạm Văn Bạch đã thu hút được nhiều nhân vật tiếng tăm thế giới tham gia Tòa án quốc tế tố cáo tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ như nhà văn Jean Paul Sartre. Từ tháng 5 năm 1983 ông là thành viên Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và được bổ nhiệm chức vụ thành viên Đoàn Chủ tịch. Ông mất ngày 8 tháng 3 năm 1986 tại thành phố Hồ Chí Minh, thọ 77 tuổi.	
33	Đường Nguyễn Tri Phương			Nguyễn Tri Phương (1800-1873) là một đại danh thần Việt Nam thời nhà Nguyễn. Ông là vị Tổng chỉ huy quân đội triều đình Nguyễn chống lại quân Pháp xâm lược lần lượt ở các mặt trận Đà Nẵng (1858), Gia Định (1861) và Hà Nội (1873). Thành Hà Nội thất thủ, ông bị quân Pháp bắt giữ nhưng ông đã cự tuyệt hợp tác và tuyệt thực tới chết. Đích thân vua Tự Đức tự soạn bài văn tế cho ba vị công thần (Nguyễn Duy, Nguyễn Lâm, Nguyễn Tri Phương) và cho lập đền thờ Nguyễn Tri Phương tại quê nhà. Đền thờ Tam công, thờ Nguyễn Tri Phương đã được xếp hạng Di tích lịch sử cấp Quốc gia vào năm 1992.	
34	Đường Lê Đức Thọ			**Lê Đức Thọ** (1911-1990): tên thật là Phan Đình Khải, quê làng Dịch Lễ, nay thuộc xã Nam Vân,	

				thành phố Nam Định. Ông vào Đảng Cộng sản Đông Dương, bị Pháp bắt tù đày ở Côn Đảo, Hỏa Lò, Sơn La, Hòa Bình… ra tù, ông tham gia phát động cao trào cách mạng tiến tới tổng khởi nghĩa. Kháng chiến toàn quốc, ông công tác ở miền Nam, giữ cương vị chủ chốt trong Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam. Năm 1955, ông được bổ sung vào Bộ Chính trị, phụ trách công tác tổ chức của Trung ương Đảng, Giám đốc trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, tham gia Quân ủy Trung ương, sau trở lại miền Nam công tác. Ông là cố vấn đặc biệt của phái đoàn Chính phủ ta tại hội nghị Paris, ký hiệp định với Mỹ giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Năm 1975, ông vào Nam chỉ đạo cuộc tổng tiến công mùa xuân và chiến dịch Hồ Chí Minh thống nhất đất nước.	
II. KHU VỰC XÃ TRƯỜNG XUÂN					
2.1 Khu vực chợ					
35	Đường Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Dương Văn Dương	Kênh Thanh Niên	Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại xã Long Phú, huyện Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trung lưu. Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm trung cấp, ông xin về dạy ở trường Tiểu học Thanh Hà, tham gia các cuộc vận động yêu nước lúc bấy giờ, thma gia phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh. Giữa năm 1947, do tình hình sức khỏe bị kiệt, ông ngã bệnh và mất đột ngột ngày 15/5/1947. Thi hài của ông được an táng tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang).	
36	Đường Dương Văn Dương	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Võ Văn Kiệt	Dương Văn Dương (còn gọi là Ba Dương); là thủ lĩnh của lực lượng quân sự kháng chiến chống Pháp gọi là	

				lực lượng Bình Xuyên trong những năm 1945-1946. Đầu năm 1946, ông chỉ huy quân Bình Xuyên vượt sông Soài Rạp về Bến Tre cứu nguy cho mặt trận An Hóa - Giao Hòa, ông bị máy bay Spitfire của Pháp bắn chết tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm vào ngày 20 tháng 2 năm 1946. Ngày 5 tháng 8 năm 1948, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã truy phong ông là liệt sĩ, Thiếu tướng Quân đội Quốc gia Việt Nam, là vị tướng được truy phong đầu tiên của miền Nam Việt Nam.	
37	Đường Nguyễn Thị Lựu	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Nguyễn Thanh Phong	Bà Nguyễn Thị Lựu, tên thật là Đỗ Thị Thưởng, thường gọi là Tám Lựu, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1909, tại làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Năm 1946, bà công tác ở Tỉnh ủy Châu Đốc, năm 1949, tham gia phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn. Năm 1959, bà là Phó Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Năm 1961, là đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI. Năm 1975, bà đảm nhận chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất của Quốc hội, Ủy viên đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nghỉ hưu vào tháng 7 năm 1979. Bà từ trần ngày 11 tháng 10 năm 1988, hưởng thọ 79 tuổi.	
38	Đường Trần Văn Năng	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Nguyễn Thanh Phong	Ông Trần Văn Năng, người huyện Vĩnh Xương, tỉnh Khánh Hòa, có sức mạnh, giỏi võ nghệ, sớm quy thuận Nguyễn Ánh, sau đó, ông lập nhiều công trạng, được thăng chức Đô thống chế. Là người có nhiều công trong việc đánh giặc giữ nước, được triều đình nhà Nguyễn truy tặng chức Thái phó tước Tân Thành	

				quận công. Để tưởng nhớ công lao, nhân dân lập đền thờ tại vàm rạch Đốc Vàng (Tân Thạnh - Thanh Bình - Đồng Tháp ngày nay), đền thờ được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận di tích cấp Quốc gia.	
39	Đường Nguyễn Xuân Trường (Mười Nhẹ)	Đ. Trần Văn Năng	Đ. Nguyễn Hiến Lê	Ông Nguyễn Xuân Trường, bí danh Mười Nhẹ, quê xã An Bình, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1945, tham gia cách mạng Tháng Tám, Năm 1946 - 1949 làm thư ký Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã. Từ 1950 - 1955 làm Bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã. Tháng 11/1955 làm chánh Văn phòng Tỉnh ủy Châu Đốc. Tháng 7/1956 Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Năm 1957 làm Phó Bí thư, Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự, Ủy viên BCH Tỉnh ủy Kiến Phong. Tháng 9/1962 làm Bí thư HU Thanh Bình. Tháng 2/1972 làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong. Năm 1974 làm Bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiền. Năm 1976, làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đến năm 1987. Sau đó làm Chủ tịch Ủy ban Hữu nghị các nước, làm chuyên viên Chính phủ khai thác Đồng Tháp Mười. Tháng 7/1995 ông nghỉ hưu. Ông được tặng huy hiệu 55 tuổi và nhiều huân, huy chương cao quý của Đảng và Nhà nước.	
40	Đường Trần Thị Bích Dung	Đ. Nguyễn Xuân Trường	Đ. Nguyễn Văn Hưởng	Cô Trần Thị Bích Dung, quê quán xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Vào ngày 18/05/1967, Mỹ mở cuộc càn quét quy mô lớn vào xã Thanh Mỹ bằng máy bay B52 và lực lượng quân biệt kích Mỹ - Ngụy, chúng tấn công bắn giết điên cuồng vào các hầm trú ẩn, chúng lùa mọi người ra, bắt đứng sắp thành hàng rồi xả súng bắn chết 16 người. Lúc	

				này, cô Trần Thị Bích Dung đã lấy thân mình che đạn cho các em học sinh và cô đã anh dũng hy sinh. Cô Trần Thị Bích Dung được công nhận là Anh Hùng liệt sỹ. Hiện nay, tên Anh hùng liệt sỹ Trần Thị Bích Dung được lấy đặt tên cho một trường Tiểu học ở Ấp Lợi An, xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Tại trường TH Trần Thị Bích Dung cũng được dựng bia tưởng niệm, được công nhận là di tích cấp tỉnh.	
41	Đường Phạm Thị A	Đ. Nguyễn Thị Lựu	Đ. Nguyễn Văn Hưởng	Bà Phạm Thị A, bí danh Thanh Miền, sinh năm 1936, tại ấp 5B, xã Trường Xuân (nay thuộc xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà giữ nhiều trọng trách Cách mạng giao. Ngày 05/3/1961 bà dẫn đầu đoàn biểu tình ở quận lỵ Mỹ An, bà bị địch bắn hy sinh, địch lấy xác của bà phơi ngoài hàng rào. Với tấm gương và sự hy sinh anh dũng của Liệt sỹ Phạm Thị A (Thanh Miền) vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, ngày 09/10/2014, Chủ tịch nước đã truy tặng bà danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	
42	Đường Trương Tấn Minh	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Dương Văn Dương	Ông Trương Tấn Minh tên tục là Miên, sinh tại làng An Bình (nay thuộc huyện Cao Lãnh) trong gia đình khá giả, có học thức. Năm 1862, triều đình ký hòa ước Nhâm Tuất, nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, ông chiêu mộ nghĩa binh, lấy của nhà ra nuôi quân, sắm sửa vũ khí chống giặc. Sau ông theo về với Thiên Hộ Dương, được phong chức Lãnh Binh. Sau khi Đại đồn Tháp Mười bị Pháp triệt hạ, ông rút sang Cao Miên ẩn náo chờ thời cơ. Sau thấy tình hình ngày càng bất lợi, ông cho giải tán nghĩa	

				quân và lẻn về quê sống ẩn dật cho đến cuối đời.	
43	Đường Ngô Thị Mẹo	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Dương Văn Dương	Mẹ Việt Nam Anh hùng Ngô Thị Mẹo có chồng và 02 con là liệt sỹ: Phan Văn On (Chồng); 02 con là Phan Văn Phát và Phan Văn Thành.	
44	Đường Nguyễn Thanh Phong	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Dương Văn Dương	Ông Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1929, quê làng Mỹ Trà, quận Cao lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp). Tháng 7/1945, ông gia nhập Thanh niên Cứu quốc. Năm 1948 là cán bộ xã hội tỉnh Sa Đéc, kết nạp Đảng năm 1949. Năm 1950, làm cán bộ Ban Tổ chức Trung ương cục. Năm 1955, ông là cán bộ Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội. Năm 1948 học đại học Kinh tế - Kế hoạch. Năm 1961 tốt nghiệp đại học, làm giảng viên môn Kinh tế - Chính trị. Cuối năm 1964 làm cán bộ nghiên cứu tình hình kinh tế miền Nam. Tháng 3/1965 về Nam, là Tổng đoàn CK43, Bí thư Đảng ủy cơ sở. Tháng 8/1965, làm việc ở Ban Kinh Tài Khu Trung Nam bộ. Tháng 3/1968 làm Phó Văn phòng Khu ủy. Tháng 9/1973 làm Phó Ban Kế hoạch Khu ủy, Bí thư Đảng ủy Liên cơ Dân Chính Đảng Khu. Năm 1976 làm Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, là đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần IV, V và là đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII. Tháng 7/1977, là Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh. Tháng 8/1986 làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp. Năm 1992, làm Phó Chủ nhiệm UB Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội khóa IX. Năm 1999 nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông được tặng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân	

				chương chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Ba, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.	
45	Đường Nguyễn Văn Hưởng	Đ. Võ Văn Kiệt	Đ. Phạm Thị A	Anh hùng lao động, Thầy thuốc Nhân dân, Giáo sư, Bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng, sinh năm 1906, quê tại xã Mỹ Chánh (nay là xã Mỹ Hiệp), huyện Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là tỉnh An Giang), Năm 1947, là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ kiêm Giám đốc Sở Y tế Quân dân Nam Bộ… Năm 1969, làm Bộ trưởng Bộ Y Tế. Năm 1975, ông làm Viện trưởng Viện Y học cổ truyền dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1983 là Cố vấn Bộ trưởng Bộ Y tế về Y học cổ truyền dân tộc. Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên Đảng đoàn Quốc hội... Ông đã chủ trì biên soạn cuốn Phương pháp Dưỡng sinh với 72 động tác cơ bản và đã được tái bản ít nhất 12 lần. Ông mất vào ngày 4 tháng 8 năm 1998, thọ 93 tuổi. Năm 1996, ông được trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I cho các công trình: Toa căn bản, Kháng sinh thảo mộc, Phương pháp dưỡng sinh (từ 1954).	
46	Đường Nguyễn Hiến Lê	Đ. Nguyễn Văn Tiếp	Đ. Phan Văn On	Ông Nguyễn Hiến Lê là một nhà văn, dịch giả, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục và hoạt động văn hóa. Người thầy Nguyễn Hiến Lê trước 1975 rất có cảm tình với Hồ Chí Minh và Cộng sản, Nguyễn Hiến Lê không giấu giếm điều này và Chính phủ chế độ cũ không bắt ông vì quan điểm chính trị của ông. Dù là người có quan điểm thiên cộng nhưng ông vẫn dám nói thật, viết thẳng theo tinh thần "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất". Ông	

				lâm bệnh và mất ngày 22 tháng 12 năm 1984 hưởng thọ 73 tuổi, tro cốt được an táng trong khuôn viên chùa Phước Ân ở Rạch Cai Bường (thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).	
2.2 Khu vực khu dân cư trung tâm xã					
47	Đường Nguyễn Tấn Kiều	Đ. Nguyễn Thanh Phong	Đ. Võ Văn Kiệt	Tương truyền ông gốc người miền Trung, vào Nam ở huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường. Ông về Gia Định đầu quân chống giặc. Ông được phong chức Đốc Binh. Thiên Hộ Dương có 100 quân hành quân lưu động, hô hào kích thích lòng yêu nước, căm thù giặc, chiêu mộ nghĩa quân còn ông giữ trọng trách vô Đồng Tháp Mười lập căn cứ chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài. Trong cuộc tấn công Tháp Mười vào tháng 4 năm 1866, quân Pháp đã dùng một lực lượng lớn để áp đảo, quyết hạ cho được đồn Tả để tiến vào Tháp Mười. Quân pháp do tay sai khét tiếng Trần Bá Lộc chỉ huy tấn công hung hãn. Đốc Binh Kiều điều động nghĩa quân chống trả quyết liệt, đẩy đuổi nhiều đợt tấn công. Đến chiều bọn chúng phải rút lui. Mấy ngày sau được tin đại đồn thất thủ ông uất lên mà chết. Để ghi nhớ công lao chiến đấu chống giặc, giữ nước gian khổ của ông, nhân dân xây dựng các đền thờ tưởng niệm chung với Thiên hộ Võ Duy Dương tại Gò Tháp. Nhân dân xã Trường Xuân cũng lập đền thờ để ghi nhớ công lao của ông ở vùng đất này.	
48	Đường Phan Văn On (Trường Xuân)	Đ. Nguyễn Văn Hưởng	Hết ranh quy hoạch Trường Xuân	Ông Trường Xuân, tên thật là Phan Văn On, sinh năm 1905; Quê quán tỉnh Quảng Ngãi; nhập ngũ 1938. Thoát ly công tác năm 1944. Kỹ sư, tổ trưởng tổ sản xuất vũ khí, CBX Khu 8. Ông hy sinh ngày 20/9/1947 trong lúc đang làm nhiệm vụ chế tạo vũ	Hướng đi thị trấn Mỹ An

				khí. Ngày 21 tháng 10 năm 2014, ông được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Vợ ông là Ngô Thị Mẹo được Nhà nước truy tặng Danh hiệu Vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng" ngày 05 tháng 6 năm 2007. Ông có 02 người con là liệt sỹ: - Phan Văn Phát, bí danh Trường Phát, sinh năm 1925, nhập ngũ 1945; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Nhân viên sản xuất vũ khí - BCX Khu 8. Hy sinh 20/9/1947; - Phan Văn Thành, bí danh Trường Thành, sinh năm 1927, nhập ngũ 1945; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Nhân viên sản xuất vũ khí - BCX Khu 8. Hy sinh 20/9/1947.	
49	Đường Nguyễn Thế Hữu	Đ. Lê Văn Bé	Đ. Nguyễn Văn Cẩn	Ông Nguyễn Thế Hữu, tên khai sinh là Nguyễn Hữu Lưỡng, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1927, tại làng Mỹ Lợi, quận Cái Bè tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp). Ông tham gia cách mạng năm 1945. Từ 1946 đến 1950 là cán bộ thanh niên quận Cái Bè. Từ năm 1950 đến 1953 ông là cán bộ kiểm huấn Ty thông tin rồi cán bộ huấn học Tỉnh ủy tỉnh Mỹ Tho. Năm 1956 cán bộ Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1957 làm Bí thư chi bộ xã Mỹ An (hai xã Mỹ An và Đốc Binh Kiều nhập lại). Năm 1958 làm Phó Bí thư rồi Bí thư ban cán sự Đảng thị xã Cao Lãnh. Từ năm 1961 đến 1963 ông làm Phó Bí thư rồi Bí thư Huyện ủy Cao Lãnh. Năm 1964 làm Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự. Năm 1969 ông làm Trưởng ban An ninh tỉnh Kiến Phong. Năm 1973 làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Kiến Phong. Năm 1976 làm	

				Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp. Năm 1986 ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Tại Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, ông được bầu ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng và Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp đến lúc về hưu năm 1992. Nhà nước tặng huy hiệu 55 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác. Ông qua đời ngày 08/3/2008, thọ 81 tuổi.	
50	Đường Trần Anh Điền	Đ. Nguyễn Văn Cẩn	Đ. Võ Văn Kiệt	Ông Trần Anh Điền (Tám Bé), sinh ngày 15/2/1922 tại làng Mỹ Xương, tổng Phong Nẫm, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc nay là xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, lãnh đạo khai phá Đồng Tháp Mười… Đầu năm 1976 làm Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp. Làm ủy viên dự khuyết Trung ương năm 1982. Bí thư Tỉnh ủy cho đến lúc về hưu năm 1986. Do có nhiều công lao với cách mạng ông được Đảng và Nhà nước tặng huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân, huy chương cao quý khác.	
51	Đường Võ Duy Dương	Đường số 34 dự kiến của khu quy hoạch	Đường số 27 dự kiến của khu quy hoạch	Ông Võ Duy Dương, sinh năm 1827 tại thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Tháng 2 năm 1859 ông được điều về Quảng Nam dẹp cuộc nổi dậy của người Thạch Bích và được phong hàm Chánh bát phẩm Thiên Hộ vào năm 1860. Lực lượng nghĩa quân đánh nhiều trận gây cho quân Pháp nhiều tổn thất. Đến năm 1864 Trương Định hy sinh, Thiên Hộ Dương rút quân về Tháp Mười xây dựng căn cứ. Năm 1865, nghĩa quân đánh vào Cái Bè, Cái Thia, Cai Lậy, Mỹ Quý nhất là trận Mỹ Trà	

				khiến Phó Đô đốc Rozé phải đưa viện binh từ Sài Gòn xuống ứng cứu. Tháng 4 năm 1866 De Lagrandière tập trung quân chia làm 3 mũi tấn công vào Đồng Tháp Mười. Sau gần 10 ngày quần thảo với giặc, Thiên Hộ Dương ra lệnh rút lui về biên giới và Cái Thia, Cái Bè. Tháng 11, Thiên Hộ Dương vượt biển về Kinh, đến cửa Thần Mẫu (Cần Giờ) bất ngờ ông bị Lý Sen một tên cướp biển giết chết. Thiên Hộ Dương ngã xuống, nhưng tên tuổi và sự nghiệp chống giặc giữ nước của ông mãi mãi gắn chặt với mảnh đất Đồng Tháp Mười anh hùng. Để tưởng nhớ người anh hùng có công giữ nước, từ lâu nhân dân đã xây dựng đền thờ tưởng niệm tại Gò Tháp.	
52	Đường Nhiêu Chấn	Đ. Nguyễn Thế Hữu	Đường số 27 dự kiến của khu quy hoạch	Ông là người giỏi chữ nghĩa, thi đỗ nhị trường nên gọi là ông Nhiêu. Với tài năng mưu lược, ông tham gia vào lực lượng nghĩa binh của Thiên Hộ Dương đánh Tây, nằm trong bộ phận tham mưu của Võ Duy Dương, được mệnh danh là một trong "Ngũ Hổ Tướng".	
53	Đường Lê Văn Bé	Đ. Nguyễn Tấn Kiều	Đường số 20 nối dài dự kiến của khu quy hoạch	Ông Lê Văn Bé, bí danh Út Bé, sinh năm 1949 trong một gia đình truyền thống cách mạng ở xã Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Năm 1967, ông làm nội tuyến. Năm 1969, ông được kết nạp Đảng. Trong thời gian làm nội tuyến ông có nhiều hoạt động tích cực, cung cấp nhiều thông tin cho ta và trực tiếp lập nhiều chiến công xuất sắc. Năm 1969, ông chỉ huy diệt 3 tên ác ôn. Năm 1970, ông đặt mìn nổ chậm giết chết 3 tên ác ôn. Năm 1971, ông làm nội ứng diệt 20 tên địch. Tháng 4 năm 1972 ông bắn chết 4 tên ác ôn và đã anh dũng hy sinh ở tuổi 23 (Tổng cộng ông	

				đã diệt 80 tên địch, thu nhiều vũ khí về cho Cách mạng. Ngày 09 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch nước đã truy tặng liệt sỹ Lê Văn Bé danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	
54	Đường Nguyễn Văn Cẩn	Đ. Võ Duy Dương	Đ. Nguyễn Tấn Kiều	Ông Nguyễn Văn Cẩn, người gốc Cái Bè - Tiền Giang, sinh ra trong gia đình nông dân, từ nhỏ có sức khoẻ cường tráng, giỏi võ nghệ. Ông tham gia vào cơ đồn điền tỉnh Định Tường. Sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ, ông tham gia vào lực lượng nghĩa binh của Thiên Hộ Dương, được giao giữ chức Lãnh binh cùng với Đốc Binh Kiều giữ Đồng Tháp Mười. Sau khi Đại đồn Tháp Mười bị Pháp triệt hạ, ông rút binh về Hồng Ngự cố thủ. Sau nhiều phen chiến đấu thất bại. Thấy thời cơ bất lợi, ông thoát thân về quê lập chùa thờ phụng Đốc Binh Kiều và Thiên Hộ Dương cho đến cuối đời.	
55	Đường Võ Văn Kiệt (đoạn qua xã Trường Xuân)	Ranh Hưng Thạnh, ĐT. 844	Ranh Long An	Ông Võ Văn Kiệt, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1922, tên thật là Phan Văn Hòa, bí danh Sáu Dân, Chín Dũng, là một nhà chính trị Việt Nam. Ông là Thủ tướng Chính phủ thứ tư của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 8 tháng 8 năm 1991 cho đến ngày 25 tháng 9 năm 1997. Tháng 12 năm 1997, Võ Văn Kiệt đã được trao tặng Huân chương Sao Vàng, huân chương cao quý nhất của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra ông còn được trao tặng nhiều huân, huy chương khác và huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.	

B. TÊN ĐỀ XUẤT

STT	Tên	Tiểu sử nhân vật, sự kiện, địa danh	Ghi chú
I. Đường			
KHU VỰC CHỢ TRƯỜNG XUÂN			
1	Đường Bùi Quang Diệu	Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định (17-2-1859), Đại đồn Chí Hòa (2-1861), rồi đánh lan ra xung quanh, phong trào vũ trang kháng Pháp bùng lên mạnh mẽ ở khắp Gia Định, Định Tường dưới ngọn cờ của Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định, trong đó có hoạt động của nghĩa quân do Bùi Quang Diệu chỉ huy phát triển rất mạnh ở vùng Phước Lộc (nay là Cần Đước, Cần Giuộc). Sau trận "Hỏa hồng Nhựt Tảo" (10-12-1861) nhấn chìm tàu giặc tại Vàm Nhựt Tảo của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, một khí thế tấn công vào đồn lũy của Pháp đã bùng lên ở khắp Tân An, Gò Công. Lúc này, Phó Đô đốc Pháp Bornard (vừa thay thế Đô đốc Charner) ra lệnh rút bớt lính ở các đồn để tập trung lực lượng đánh chiếm Biên Hòa nhằm chặn đường liên lạc giữa quân triều đình với nghĩa quân ở miền Tây. Nắm được tình hình trên, đêm Rằm tháng 11 năm Tân Dậu, tức 16-12-1861, Bùi Quang Diệu (còn gọi là Đốc binh Là hay Quản Là, người làng Mỹ Lệ, tổng Lộc Thành Trung, huyện Phước Lộc, nay là xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước) chỉ huy 3 cánh quân tập kích đồn Tây Dương ở chợ Trường Bình, Cần Giuộc. Nghĩa quân chiếm được đồn địch, đốt nhà dạy đạo và đâm bị thương đồn trưởng Dumont, chém chết một số lính Mã tà, Ma ní. Giặc Pháp phải điều động tàu chiến nã đại bác từ sông Cần Giuộc để chiếm lại đồn. Theo Paulus Huỳnh Tịnh Của, phía nghĩa quân hy sinh 15 người, nhưng theo báo cáo của Tuần phủ Gia Định Đỗ Quang, là 27 người. Cảm kích trước tinh thần quả cảm của những người "dân ấp dân lân", bằng ngòi bút và tâm hồn trung nghĩa, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu (lúc bấy giờ "tị địa" về Cần Giuộc, ở chùa Tôn Thạnh bốc thuốc, dạy dọc và sáng tác thơ văn yêu nước) đã viết bài Văn tế	

		nghĩa sỹ Cần Giuộc để Bùi Quang Diệu đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sỹ đã hy sinh trong trận này, theo yêu cầu của Tuần phủ Đỗ Quang.	
KHU VỰC KHU DÂN CƯ TRUNG TÂM XÃ TRƯỜNG XUÂN			
2	Đường Nguyễn Văn Năm (Tám Mai)	Ông Nguyễn Văn Năm (Tám Mai) sinh năm 1925, trong một gia đình nông dân ở Chợ Mới, An Giang. Trú quán ở Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Ông tham gia cơ quan trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở ấp Tháp Mười ngày xưa, nay là xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, sau đó tham gia đoàn thể nông dân, thanh niên cứu quốc xã. Tháng 6 năm 1946, ông được kết nạp vào Đảng. Từ năm 1948 đến năm 1950, là Ủy viên Ban Chấp hành thanh niên cứu quốc huyện Cao Lãnh; từ tháng 02/1950 – 02/1952, là Bí thư Huyện đoàn Thanh niên cứu quốc huyện Mộc Hóa; từ 3/1952 – 7/1954 là uỷ viên Thường vụ Xã ủy Tân Lập, huyện Mộc Hóa, tỉnh Tân An; từ 8/1954-8/1958, làm Bí thư chi bộ xã Tháp Mười. Từ tháng 3/1960 – 3/1964 là HUV, Phó Bí thư, Bí thư Huyện ủy Mỹ An. Tháng 9/1964 làm Chính trị viên Trung đoàn 502, làm dự khuyết Tỉnh ủy Kiến Phong. Tháng 4/1968 làm UVBTV Tỉnh ủy - Tỉnh đội trưởng Kiến Phong. Năm 1973 làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Tỉnh Đội trưởng. Năm 1974 làm Bí thư Tỉnh uỷ SaĐéc. Ngày 06/8/1976 ông bị bệnh và từ trần. Do có nhiều công lao cho cách mạng ông được tặng nhiều Huân, Huy chương cao quý của Đảng và Nhà nước.	
3	Đường Quảng Võ	Ông Quảng Võ người gốc Phong Mỹ, khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ, ông cùng với Quảng Văn tham gia vào lực lượng nghĩa binh của Thiên Hộ Dương, được giao cai quản một cánh quân.	
4	Đường Quảng Văn	Ông Quảng Văn người gốc Phong Mỹ, khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ, ông cùng với Quảng Võ tham gia vào lực lượng nghĩa binh của Thiên Hộ Dương, được giao cai quản một cánh quân.	

5	Đường Đinh Hữu Thuật	Ông Đinh Hữu Thuật còn có tên gọi khác là Đinh Quang Tích, người làng Mỹ Xương (nay thuộc huyện Cao Lãnh). Ông là người uyên bác, cương trực, có lòng yêu nước, sinh ra trong một gia đình khá giả ở địa phương. Ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước như Đông Du, Duy Tân và đóng góp rất nhiệt thành. Năm 1913, ông cùng Nguyễn Quang Diêu sang Long Xuyên gặp Kỳ Ngoại hầu Cường Để rồi sang Hồng Kông hoạt động và bị bắt tại đây. Ông cùng với các đồng chí bị Pháp xử đày 10 năm khổ sai ở Nam Mỹ. Sau ông vượt ngục trốn về nước tìm cơ hội gây dựng lại tổ chức nhưng thấy tình hình ngày càng bất lợi, ông lẻn về quê sống ẩn dật cho đến cuối đời.	
6	Đường Thống Chiếu	Thống Chiếu là một trong số những Thống Lãnh binh của Thiên Hộ Dương, không rõ họ. Ông bị giặc bắt và hành quyết cùng với Thống Lãnh binh Nguyễn Văn Linh năm 1865.	
7	Đường Thống Bình	Thống Bình là một trong số những Thống Lãnh binh của Thiên Hộ Dương, không rõ họ. Ông bị giặc bắt và hành quyết cùng với Thống Lãnh binh Nguyễn Văn Linh năm 1865.	
8	Đường Phan Văn Phát	Liệt sỹ Phan Văn Phát, bí danh Trường Phát, sinh năm 1925, nhập ngũ năm 1945; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Nhân viên sản xuất vũ khí – CBX Khu 8. Hy sinh ngày 20 tháng 9 năm 1947.	
9	Đường Nhiêu Bá	Ông là người giỏi chữ nghĩa, thi đỗ nhị trường nên gọi là ông Nhiêu. Với tài năng mưu lược, ông tham gia vào lực lượng nghĩa binh của Thiên Hộ Dương đánh Tây, nằm trong bộ phận tham mưu của Võ Duy Dương, được mệnh danh là một trong "Ngũ Hổ Tướng".	
10	Đường Lưu Văn Lang	Ông Lưu Văn Lang, sinh ngày 5 tháng 6 năm 1880, tại làng Tân Phú Đông, Sa Đéc trong một gia đình nghèo. Năm 1908 thi tốt nghiệp ra trường đậu xếp thứ 8 trong số 250 thí sinh. Lưu Văn Lang là sinh viên Việt Nam đầu tiên đậu bằng bằng kỹ sư công nghệ ngành Cầu Cống (tương đương như kỹ sư xây dựng ngành cầu đường ngày nay). Về nước, chính phủ Pháp bổ nhiệm ông	

		qua Vân Nam, Trung Quốc, hiến kế xây dựng đường xe lửa Vân Nam. Tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp ông được mời ra Huế nhận chức Tổng Trưởng, nhưng ông giữ khí tiết tuyên bố không làm đầy tớ cho ai nữa cả. Năm 1947 ông cùng bác sỹ Nguyễn Văn Hưởng và giáo sư Đặng Minh Trứ, vận động gần 300 tri thức ký tên vào bản kiến nghị đòi Chính phủ Pháp đàm phán với Chính phủ kháng chiến để chấm dứt chiến tranh. Năm 1949, ông là người ký tên đầu tiên vào bản kiến nghị thứ hai, với hàng ngàn chữ ký đòi Chính phủ Pháp thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh để trao trả độc lập và tái lập hòa bình ở Việt Nam. Năm 1954, tuy đã già, ông Lưu Văn Lang vẫn nhận chức Chủ tịch danh dự phong trào Hòa Bình. Tháng 11 năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm bắt ông giam giữ, không lâu sau vì uy tín lớn lao của ông, họ buộc phải thả ông ra. Ông ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, công khai phổ biến các văn kiện của Mặt trận ngay giữa Sài Gòn. Ông Lưu Văn Lang mất ngày 3 tháng 8 năm 1969, thọ 90 tuổi.	
11	Đường Nguyễn Quang Diêu	Ông Nguyễn Quang Diêu, sinh năm Canh Thìn (1880), tự là Tử Ngọc, hiệu là Cảnh Sơn (hay Nam Sơn), người làng Tân Thuận, tổng An Tịnh, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). Ông nội và cha là những người có tiếng về nho học, nên ngay từ thuở nhỏ ông được chăm sóc giáo dục chu đáo. Ông để lại một khối lượng lớn tác phẩm thơ, góp phần không nhỏ vào kho tàng văn học yêu nước Việt Nam thời cận đại, đánh dấu bước ngoặt tư tưởng trong cách mạng nước ta những thập niên đầu thế kỷ XX. Công lao lớn của ông là giác ngộ một số quần chúng nhân dân nhất là thanh niên đi từ chủ nghĩa yêu nước chân chính sang chủ nghĩa yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa.	

		Ngày 15/5 năm Bính Tý (1936), ông bị bệnh qua đời, được đồng bào, đồng chí và môn sinh an táng tại làng Vĩnh Hòa (năm 1989 được cải táng ở quê nhà). Khu mộ ông bà được xây dựng mới khang trang tại ấp Tân Chủ, xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và được công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh. Lễ giỗ của ông được tổ chức ngày 15 tháng 5 âm lịch hàng năm và trở thành lễ hội văn hóa cấp thành phố.	
12	Đường Nguyễn Văn Sơn	Liệt sỹ Nguyễn Văn Sơn, bí danh Trường Sơn, sinh năm 1906, nhập ngũ năm 1938; Chức vụ, đơn vị: Nhân viên sản xuất vũ khí – CBX Khu 8, hy sinh 20/9/1947.	
13	Đường Phan Văn Thành	Liệt sỹ Phan Văn Thành, bí danh Trường Thành, sinh năm 1925, nhập ngũ năm 1947; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Nhân viên sản xuất vũ khí – CBX Khu 8. Hy sinh ngày 20 tháng 9 năm 1947.	
14	Đường Lãnh Binh Ông	Ông tên thật là Lê Văn Ông, là một trong số những vị phó tướng trong lực lượng chống Pháp của Thiên Hộ Dương, được phong chức Lãnh binh, chỉ huy một cánh quân chống Pháp. Ông đóng đồn tại Ngã ba Rạch Ruộng. Sau ông rút binh về Sa Đéc, lực lượng lần hồi suy yếu và tan rã.	
15	Đường Lãnh Binh Khả	Ông tên thật là Nguyễn Văn Khả, là một trong số những vị phó tướng trong lực lượng chống Pháp của Thiên Hộ Dương, được phong chức Lãnh binh, chỉ huy một cánh quân chống Pháp. Ông đóng đồn tại Cao Lãnh. Sau ông rút binh về Sa Đéc - Vĩnh Long, lực lượng lần hồi suy yếu và tan rã.	
16	Đường Lê Thị Năm	Mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Năm có chồng và 02 người con là liệt sỹ (Liệt sỹ Mai Văn Liền (Chồng); Liệt sỹ Mai Văn Khoa – (Con); Liệt sỹ Mai Văn Vẹn (Con).	
17	Đường Lương Thị Quận	Mẹ Việt Nam anh hùng Lương Thị Quận (Ấp 6, xã Trường Xuân) có chồng và 02 người con là liệt sỹ (Liệt sỹ Trần Bửu Muộn (Chồng);	

		Liệt sỹ Trần Bửu Kẹm – (Con); Liệt sỹ Trần Bửu Hựt.	
18	Đường Nguyễn Văn Bảy	Ông Nguyễn Văn Bảy (1936 - 22 tháng 9 năm 2019), còn gọi Bảy A, tên khai sinh Nguyễn Văn Hoa, là con thứ bảy trong gia đình. Do người Nam Bộ hay gọi theo thứ tự nên dần cái tên Nguyễn Văn Bảy thành tên chính. Ông sinh tại huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp), là Đại tá Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, phi công Không quân Nhân dân Việt Nam. Ông là một trong 19 phi công Việt Nam đạt cấp "Ách" (Aces) trong kháng chiến chống Mỹ, với thành tích lái MiG-17 bắn rơi 7 máy bay các loại của Mỹ. Ông cũng là phi công MiG-17 bắn rơi nhiều máy bay nhất. Ngày 16 tháng 09 năm 2019 ông phải nhập viện vì đột quỵ trong lúc đang làm vườn tại quê nhà, được gia đình đưa vào bệnh viện Sa Đéc (Đồng Tháp) và được chuyển thẳng lên Bệnh viện Quân y 175 (TP. Hồ Chí Minh). Theo tin từ Bệnh viện Quân y 175 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Anh hùng phi công Nguyễn Văn Bảy (A) đã từ trần hồi 21 giờ ngày 22 tháng 9 năm 2019, hưởng thọ 83 tuổi.	